

MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ PHỐI HỢP CÁC LỰC LƯỢNG THAM GIA GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ CỦA HIỆU TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC

○ TRẦN THỊ BÍCH NGỌC*

1. Hiện nay, Việt Nam có hơn 1 triệu trẻ khuyết tật (TKT) ở độ tuổi đi học, trong đó nhóm trẻ *khuyết tật trí tuệ* (KTTT) chiếm 28,36%. Trong những năm vừa qua, việc thực hiện giáo dục hòa nhập (GDHN) đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như: hệ thống quản lý GDHN TKT được hình thành trên toàn quốc; tỉ lệ TKT bỏ học giảm; có nhiều lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục TKT; một số trung tâm hỗ trợ GDHN đã được thành lập tại các địa phương,...

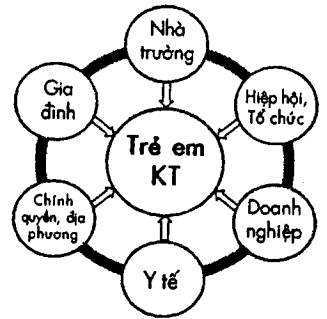
Tuy nhiên, việc tổ chức và quản lý GDHN vẫn chưa có sự thống nhất giữa các bộ, ban ngành, giữa các cấp học và ngay trong một cấp học. Số lượng học sinh (HS) học hòa nhập tăng nhưng đội ngũ giáo viên (GV) và các cán bộ quản lý còn «thiếu và yếu» về cả số lượng và chất lượng. Đặc biệt, công tác quản lý GDHN cho đối tượng trẻ KTTT cấp tiểu học (TH) - một trong những đối tượng có tỉ lệ KT cao nhất (30%), chiếm tỉ lệ đi học nhiều nhất (70-75%) và gặp nhiều khó khăn nhất khi học hòa nhập..., vẫn chưa được quan tâm thích đáng, như: thiếu nhiều giáo trình, tài liệu tập huấn, văn bản hướng dẫn nhằm thực hiện công tác quản lý đặc biệt cho các cơ sở giáo dục; ít các đơn vị nghiên cứu khoa học về giáo dục đặc biệt; thiếu đội ngũ chuyên gia về công tác quản lý GDHN; không nhiều các công trình nghiên cứu về GDHN; năng lực quản lý GDHN của cán bộ còn hạn chế, ... Vì vậy, việc nghiên cứu về GDHN cho trẻ KTTT cấp học này là rất cần thiết.

2. Trong phạm vi trường học, quản lý GDHN cho HS KTTT là sự tác động có kế hoạch, có tổ chức, có định hướng của Ban giám hiệu, hiệu trưởng (HT) đến việc quản lý HS KTTT dựa trên những yêu cầu có tính khách quan về lí luận và thực tiễn GDHN trong cũng như ngoài nhà trường

nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra của quản lí GDHN.

Có thể nói, đây là hoạt động có tính phức tạp và cần sự linh hoạt khi thực hiện các nhiệm vụ: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, đánh giá, ... đòi hỏi năng lực và phẩm chất của HT. Song, công tác quản lý GDHN HS khuyết tật - nhất là HS KTTT - lại mang tính «xã hội hóa»

cao, cần có sự tham gia gắn kết và thực hiện của nhiều lực lượng giáo dục, cộng đồng cũng như các lực lượng trực tiếp tham gia và tổ chức tình nguyện. Sự hỗ trợ của các lực lượng GDHN được thể hiện theo sơ đồ sau (xem sơ đồ).



Sơ đồ. Mô hình các lực lượng tham gia GDHN

3. Để phát huy được sức mạnh của các lực lượng GDHN trong quá trình chăm sóc, giáo dục TKT, HT nhà trường cần thực hiện một số biện pháp sau:

1) *Xây dựng nhà trường trở thành một tập thể vững mạnh và tạo được môi trường hòa nhập tốt cho trẻ.* Cụ thể:

- Có biện pháp chỉ đạo, tổ chức chặt chẽ các hoạt động về giáo dục và chăm sóc của GV đối với HS KTTT trong lớp học hòa nhập ngay từ đầu năm học như: phân công GV có kiến thức và chuyên môn vững hoặc GV đã được đào tạo, tập huấn về chuyên ngành «giáo dục đặc biệt» nhằm giáo dục và dạy học cho trẻ; linh hoạt phân công GV có lòng yêu trẻ, nhiệt tình, tự nguyện

* Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học sư phạm Hà Nội

dạy HS KTTT; nếu nhà trường có đủ GV, HT nên phân công hai GV dạy cùng một lớp có TKT học hòa nhập (một GV chịu trách nhiệm chính và một GV sẽ hỗ trợ cho những HS cần sự giúp đỡ về học tập); có thể sử dụng đội ngũ tình nguyện viên (từ cộng đồng hoặc cha mẹ HS) tự nguyện tham gia lớp học quan sát và trợ giúp cho GV chủ nhiệm lớp.

- Thường xuyên có kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho GV bằng việc cử GV tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn, các hội thảo, tập huấn về việc giáo dục HS KTTT trong nhà trường phổ thông; tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các GV hoặc mời chuyên gia giỏi về lĩnh vực giáo dục đặc biệt tập huấn cho GV về việc điều chỉnh nội dung, mục tiêu chương trình, phương pháp giáo dục cho TKT; phối hợp với các trường TH hòa nhập khác trong cùng một khu vực tiến hành giao lưu, tọa đàm về phương pháp dạy học hòa nhập nhằm nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng giáo dục trẻ KTTT cho cán bộ, GV trong trường; việc xây dựng «Kế hoạch giáo dục cá nhân» cho HS KTTT cần được đưa vào quy chế chuyên môn của nhà trường, tạo hành lang pháp lý cho công tác giáo dục và chăm sóc trẻ dựa trên quan điểm «mỗi trẻ là một cá nhân độc lập, có nhu cầu và năng lực khác nhau»; xây dựng phong trào «Vòng tay bè bạn» hoặc «Đôi bạn cùng tiến» giúp trẻ có thể học tập tiến bộ và hòa đồng với các bạn,...

- Yêu cầu GV có lịch công tác cụ thể, thường xuyên gặp gỡ, cung cấp cho phụ huynh những thông tin về sự tiến bộ của trẻ để kịp thời thống nhất cách giáo dục và chăm sóc HS khuyết tật ở nhà và ở trường (khuyến khích GV dành 5-7 phút để trao đổi với phụ huynh vào cuối giờ học khi họ đón trẻ). Nhà trường cần có một hệ thống quản lý theo dõi hồ sơ chuyên môn, nghiệp vụ của GV trong việc GDHN cho HS khuyết tật.

- Mỗi HS KTTT cần được học «tiết học cá nhân» (từ 20-30 phút mỗi ngày). Qua tiết học này, GV sẽ bổ sung hoặc ôn tập lại những kiến thức mà các em chưa nắm vững; đồng thời tìm hiểu thêm thông tin về nhu cầu và khả năng của mỗi HS để điều chỉnh, đưa ra những phương pháp dạy học thích hợp với trẻ.

2) Tăng cường phối hợp với phụ huynh học sinh (PHHS) KTTT. Để thực hiện tốt biện pháp này, nhà trường cần:

- Khuyến khích thành lập «Hội PHHS» trong đó có PHHS trẻ KTTT. Đây là «cầu nối» giữa gia đình và nhà trường trong việc đáp ứng những nhu cầu của trẻ và giáo dục trẻ. HT và Hội PHHS xây dựng những biện pháp phối hợp giữa 2 lực lượng chính (gia đình và nhà trường) trong việc điều chỉnh nội dung, phương pháp, chương trình, mục tiêu đánh giá giáo dục và dạy học cho HS KTTT cũng như đóng góp cơ sở vật chất tạo điều kiện cho các em được học hòa nhập.

- Chia sẻ thông tin, kiến thức, kinh nghiệm chăm sóc giáo dục TKT bằng nhiều hình thức: tổ chức tập huấn, hướng dẫn về cách chăm sóc, giáo dục trẻ KTTT cho PHHS; tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi tìm hiểu kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ KTTT; xây dựng các «góc» tuyên truyền giáo dục cho PHHS ngay tại trường; mời phụ huynh tham gia các buổi họp, giao lưu, thảo luận của «Câu lạc bộ GV dạy hòa nhập», «Câu lạc bộ phụ huynh», các nhóm cộng đồng để nắm đầy đủ mọi thông tin về cách chăm sóc giáo dục TKT và tìm hiểu về chương trình GDHN của nhà trường; mô tả các mục tiêu giảng dạy của nhà trường và mục tiêu học tập của trẻ; trao đổi cách thức mà gia đình có thể tham gia vào các hoạt động ở nhà trường cũng như trong lớp học; thường xuyên liên lạc với gia đình trẻ KTTT để thông báo về sự tiến bộ của trẻ cũng như thống nhất cách giáo dục trẻ; xây dựng Sổ liên lạc giữa PHHS và GV; trao đổi về cách làm thế nào để trẻ có thể học tập tốt hơn và yêu cầu cha mẹ các em trình bày quan điểm của cá nhân về việc học tập tiếp theo của con mình.

- Mở rộng hoạt động của Hội PHHS về chăm sóc giáo dục TKT bằng việc khuyến khích cha mẹ các em và các thành viên khác trong gia đình tình nguyện giúp đỡ hỗ trợ GV trong các hoạt động ở lớp, trường; nhà trường có thể mời PHHS trở thành tình nguyện viên trực tiếp tham gia vào lớp học, hỗ trợ GV giáo dục trẻ.

3) Phối hợp giữa các trường hòa nhập trong cùng địa bàn. Đây là một việc làm rất cần thiết để đảm bảo tính bền vững cho GDHN. Tuy nhiên, thực tế hiện nay mỗi trường đều có cách làm riêng nên ít có sự liên hệ giữa GV và HS các trường với nhau. Vì vậy, trong việc hợp tác giữa các trường, các nhà quản lý giáo dục giữ vai trò rất quan trọng, trong đó HT nhà trường có vai trò quan trọng nhất.

- HT và đại diện Ban giám hiệu cần họp với

nhau ít nhất 1 lần/năm để nhìn nhận về các vấn đề cùng quan tâm. Ví dụ: Các TKT trên địa bàn đó đều được đến trường hay không? Các trường, GV có nhận TKT không? Các em có khó khăn gì trong việc tới lớp? Việc tập huấn cho GV được thực hiện như thế nào? Có hỗ trợ GV và trẻ không? Các trường trên cùng một địa bàn nên phối hợp thành lập một «Trung tâm tư liệu» cung cấp đầy đủ các tư liệu đáp ứng việc dạy học và chăm sóc trẻ như (sách, vở, băng video)...

- HT cần phân công cho các GV dạy HSKTTT đến các trường thực hiện GDHN trên cùng địa bàn để tham quan và học hỏi kinh nghiệm; bố trí những GV có «thâm niên» đến giúp đỡ trường khác trong một giai đoạn nào đó để các đồng nghiệp có thể quan sát và học hỏi được kinh nghiệm; tổ chức thảo luận, hội thảo trao đổi kinh nghiệm về những vấn đề mà GV quan tâm trong quá trình triển khai GDHN (như điều chỉnh chương trình, phương pháp dạy học, đánh giá xếp loại HS,...).

Ở một số nước, cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm phân công «GV nguồn» tới trường hòa nhập giúp đỡ cho các HS KT và tổ chức các cuộc tập huấn cho GV ở các trường mà họ phụ trách. Còn tại Việt Nam, đội ngũ «GV nguồn» có thể chính là HT, hiệu phó, các GV cốt cán đã được tham gia những lớp tập huấn về chuyên môn của các trường thực hiện GDHN. Các trường ở cùng một khu vực nên hợp tác cùng nhau mời chuyên gia giỏi về lĩnh vực GDHN để tập huấn và đào tạo cho GV; khuyến khích mối quan hệ giao lưu giữa HS bình thường và HSKT trong trường học hòa nhập (chẳng hạn: tham dự một số hoặc toàn bộ các tiết học ở các trường bình thường; cùng tham gia một hoạt động ngoại khóa như thăm quan bảo tàng, chia sẻ kinh nghiệm dạy học các môn như *Mĩ thuật*, *Âm nhạc*... tùy thuộc vào nhu cầu của trẻ và sự sáng tạo của HT và GV nhà trường).

4) Tăng cường các hoạt động thúc đẩy sự hỗ trợ của các ban, ngành, đoàn thể và tổ chức xã hội trong cộng đồng. Cụ thể:

- Tiếp tục kiện toàn «Ban điều hành GDHN» của nhà trường với đầy đủ các đại diện của cơ quan chức năng nhằm triển khai đồng bộ và hiệu quả công tác giáo dục và dạy học; phổ biến rộng rãi các thông tin về TKT, GDHN cho trẻ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị, hội thảo, biểu diễn văn nghệ, lễ

khai giảng (bế giảng), họp phụ huynh,... nhằm huy động được nhiều lực lượng bên trong và bên ngoài nhà trường tham gia chăm lo cho hoạt động GDHN; tổ chức các cuộc thi sáng kiến kinh nghiệm, hội thảo chuyên đề, nghiên cứu khoa học về GDHN cho TKT; có thêm các tài liệu chuyên môn, chuyên khảo, cẩm nang hướng dẫn cách giáo dục và dạy học TKT cho cha mẹ HS và cộng đồng.

- Xây dựng các phong trào hỗ trợ cho TKT dưới nhiều hình thức: vận động Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em, Hội Chữ thập đỏ, Hội Thanh niên, Hội Phụ nữ hỗ trợ nhà trường và gia đình TKT về vật chất và tinh thần; kết hợp chặt chẽ với các bộ, ban ngành đoàn thể vận động các tổ chức xã hội tham gia các hoạt động giáo dục, tạo cơ hội cho TKT được học tập, vui chơi với các bạn cùng lứa tuổi tại địa phương gần nơi trẻ sinh sống; đề xuất với các cấp chính quyền về chế độ, chính sách đối với GV dạy học hòa nhập cũng như hỗ trợ, ủng hộ cho TKT; kết hợp với các phường, xã giúp đỡ, giảm bớt những khó khăn cho gia đình trẻ (miễn các khoản đóng góp ở địa phương, tặng quà dịp Tết,...).

- Kết hợp chặt chẽ các lực lượng (như Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, các cơ quan chuyên môn) trong việc điều tra cơ bản, phục hồi chức năng, nuôi dạy trẻ KT: cùng các trung tâm y tế, cán bộ phường quận để điều tra «đúng và đủ» số lượng TKT đã và chưa ra lớp để vận động gia đình đưa trẻ ra lớp; phân loại KT «nặng, nhẹ» nhằm xếp những trẻ KT có cùng sở thích, mức độ KTTT và trình độ hòa nhập trong cùng một lớp để có những biện pháp chăm sóc giáo dục trẻ thích hợp; kết hợp với các cơ quan chuyên môn y tế tổ chức các hội nghị, hội thảo xây dựng các tiêu chí đánh giá, nhận xét đối với trẻ học hòa nhập; tham mưu cho bộ phận chuyên môn của Bộ GD-ĐT ban hành khung nội dung, chương trình giáo dục và dạy học cho TKT; tổ chức gặp mặt HT các trường nhằm trao đổi kinh nghiệm về công tác GDHN cùng nhau xác định những khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện và tìm các biện pháp khắc phục; thành lập các «Nhóm hỗ trợ» nhằm tiếp nhận và giúp đỡ TKT, cung cấp kỹ năng sống cho các em, tư vấn cho phụ huynh về cách giáo dục và chăm sóc để các em hòa nhập nhanh chóng với trẻ bình thường; nhà trường và nhóm hỗ trợ cộng đồng nên xây dựng những chương trình kỹ năng xã hội

như: chăm sóc nhu cầu cá nhân, nâng cao khả năng giao tiếp, sử dụng phương tiện công cộng,... để giúp trẻ hòa nhập.

* * *

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng giáo dục cộng đồng tuy chỉ là «biện pháp điều kiện» cho việc thực hiện GDHN nhưng lại có một vai trò to lớn góp phần đạt mục tiêu GDHN. Việc thực hiện biện pháp này đòi hỏi năng lực của HT cũng như sự phối hợp hiệu quả của các lực lượng xã hội; sự chỉ đạo chặt chẽ về mặt chuyên môn; đầu tư cơ sở vật chất và có chế độ động viên, khen thưởng đối với những tập thể và cá nhân thực hiện tốt công tác quản lý GDHN trẻ KTTT.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. "Kỷ yếu báo cáo công tác giáo dục trẻ khuyết tật". Hội thảo *Đổi mới công tác giáo dục trẻ khuyết tật*. Hà Nội, tháng 3/2010.
2. Lê Tiến Thành - Trần Đình Thuận - Nguyễn Xuân Hải. *Sổ tay giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật dành cho giáo viên tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2009.
3. Nguyễn Xuân Hải. *Quản lý giáo dục hòa nhập*. NXB Đại học sư phạm, H.2010.
4. Trần Ngọc Giao - Lê Văn Tạc. *Quản lý giáo dục hòa nhập* (ban hành kèm theo Quyết định số 3933/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2007 về việc Xây dựng chương trình tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục hòa nhập cho các cán bộ quản lý các cơ sở các cấp học). NXB Phụ nữ, H. 2010.
5. Bộ GD-ĐT. *Báo cáo khảo sát thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam*, Hà Nội, 2005.
6. Deborah Deutsch smith - Ruth Luckasson. *Introduction to special education*, University of New Mexico. USA, 1995.
7. UNESCO. *Inclusive Schools and Community Support Programmes. Report Phase Two: 1998 - 2001; 2002*.
8. <http://www.about.com> - Special education.

SUMMARY

The closely cooperation among schools and education and community groups is a solution to effective inclusive education, however there are few studies on the role and the cooperation among them to implementing inclusive education in effectively way. Therefore, this paper propose ways that the Principles of inclusive schools should do to strengthen the corporation among schools and education and community groups.

Xây dựng tiêu chí và...

(Tiếp theo trang 26)

về tất cả những khái niệm trên và hoàn thành hành động ở mức độ yếu.

Mức 5 ($1 \leq \bar{x} < 1,8$): Chưa thích ứng: là những SV nhận thức sai và hoàn thành hành động ở mức độ kém.

* * *

Để nghiên cứu sự thích ứng của SV ĐH Thái Nguyên với phương thức đào tạo theo HCTC đạt hiệu quả, việc xác định tiêu chí và xây dựng thang đo là việc làm có ý nghĩa lí luận và thực tiễn to lớn. Tuy nhiên, đây cũng là một công việc rất khó khăn và phức tạp. Trong quá trình điều tra thực tế có thể có những vấn đề mới phát sinh (có SV nhận thức đúng, thái độ tích cực nhưng hành động lại ở mức yếu kém...). Đây là những trường hợp đặc biệt, chúng tôi sẽ tiến hành cộng điểm trung bình kết hợp với phỏng vấn sâu, phân tích sản phẩm hoạt động và một số phương pháp đặc thù khác để có những kết luận thực sự chính xác và khoa học. Do đó, việc ứng dụng linh hoạt, đồng bộ các phương pháp là rất cần thiết để nghiên cứu thành công sự thích ứng của SV ĐH Thái Nguyên với HĐHT theo HCTC. □

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Dũng. *Từ điển Tâm lí học*. NXB Khoa học xã hội, H. 1995.
2. Quy chế 25/2006/QĐ-BGD-ĐT. Bộ GD-ĐT, H. 2006.
3. Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT. Bộ GD-ĐT, H. 2007.
4. Đại học Thái Nguyên. Quyết định về việc ban hành: "Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ", Thái Nguyên 2010.

SUMMARY

The paper analyses the theory of adaptation and the adaptation to learning activities on the basis of the credit-based system. Accordingly, the author develops criteria and an assessment scale for Thai Nguyen University undergraduate students' adaptation to learning activities on the basis of credit-based system on the following aspects: perception, attitude, and action. Finally, the author presents an assessment scale for and common expressions of Thai Nguyen university undergraduate students' adaptation to learning activities on the basis of the credit-based system.